

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Ngọc Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Bà Lữ Phúc Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Châu Thị T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn U**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Châu Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn U sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh C vào ngày 30/12/2005. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng về sau chị và anh U phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh U sống không chung thủy, thậm chí còn đe dọa chị và người thân đủ điều. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng đến nay không có kết quả, chị và anh U đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2020

đến nay. Chị xét thấy, hôn nhân giữa chị và anh U không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh U và không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với anh U nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Bùi Văn U có 03 (ba) người con chung, gồm: Cháu Bùi Văn Kh, sinh ngày 24/7/2007, cháu Bùi Hồng Ph, sinh ngày 18/7/2014 và cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 18/12/2015, hiện các con đang sống cùng chị và anh U. Sau khi ly hôn, cháu Kh có nguyện vọng sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với cháu Ph và cháu B thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Bùi Văn U không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong quá trình chung sống chị và anh Bùi Văn U không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Bùi Văn U được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh U không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn chị Châu Thị T có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn anh Bùi Văn U vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của anh U về yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Châu Thị T và anh Bùi Văn U là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là anh Bùi Văn U vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị T và anh Bùi Văn U tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/12/2005 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh U là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của chị Châu Thị T thì nguyên nhân dẫn đến chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn U là do trong quá trình chung sống chị và anh U phát sinh mâu thuẫn, quan điểm bất đồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh U sống không chung thủy, thậm chí còn đe dọa chị và người thân đủ điều. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng đến nay không có kết quả, chị và anh U đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2020 đến nay. Chị xét thấy, hôn nhân giữa chị và anh U không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh U và không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với anh U nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn U. Đối với anh Bùi Văn U, trong quá trình tố tụng anh U không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị T, như vậy, anh U đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Châu Thị T và anh Bùi Văn U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên không còn muốn hàn gắn cuộc hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2020 đến nay. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Châu Thị T và anh Bùi Văn U có 03 (ba) người con chung, gồm: Cháu Bùi Văn Kh, sinh ngày 24/7/2007, cháu Bùi Hồng Ph, sinh ngày 18/7/2014 và cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 18/12/2015, hiện các cháu đang sống cùng chị T và anh U. Sau khi ly hôn, đối với cháu Kh, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu; còn đối với cháu Ph và cháu B thì chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu anh Bùi Văn U cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại

khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Bùi Văn Kh ngày 07/9/2020, cháu Kh có nguyện vọng sống với chị T; đối với cháu Bùi Hồng Ph và cháu Bùi Khánh B, chị Châu Thị T có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Bùi Văn U không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Bùi Văn Kh, cháu Bùi Hồng Ph và cháu Bùi Khánh B cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Kh, cháu Ph và cháu B đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn U không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị T. Chị Châu Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn U.

2. Về con chung: Giao con tên Bùi Văn Kh, sinh ngày 24/7/2007; con tên Bùi Hồng Ph, sinh ngày 18/7/2014 và con tên Bùi Khánh B, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Châu Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Kh, cháu Ph và cháu B đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn U không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn U không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Châu Thị T.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Châu Thị T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005811 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Châu Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn U vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Ngọc Huyền**